

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-PT

Ngày: 25.02.2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy;

Ông Nguyễn Thanh B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Nhi là Thư ký TAND tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 138/2021/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Anh B và Nguyễn Anh C do có kháng cáo của các bị cáo, bị hại và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2021/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Định.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo, kháng nghị:

1. **Nguyễn Văn A**; sinh năm 1954 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Q (đã chết) và bà R (đã chết); vợ: X, sinh năm 1962; con: 05 người, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1993; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Nguyễn Anh B**; sinh năm 1984 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: X', thị trấn Y', huyện Z, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1954 và bà X, sinh năm 1962; vợ: K, sinh năm 1996; con: 01 người, sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Anh C**; sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Thợ điện; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1954 và bà X, sinh năm 1962; vợ, con: chưa; tiền án: không; tiền sự:

không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Anh B, Nguyễn Anh C:*

+ Luật sư I - Công ty Luật TNHH Z thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định (Có mặt).

+ Luật sư J - Công ty Luật TNHH U thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

+ Luật sư Z - Công ty Luật TNHH U thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:*

Bị hại: M, sinh năm 1983; Trú tại: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại M:

+ Luật sư Q - Văn phòng luật sư W thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định (Vắng mặt).

+ Luật sư R - Công ty Luật G thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

+ Luật sư X - Công ty Luật G thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* M, sinh năm 1985 (Có mặt xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định.

-*Người làm chứng:*

+ X, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

Trú tại: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định.

+ NLC1, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

+ NLC2, sinh năm 1946 (Vắng mặt);

Đồng trú tại: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định.

+ NLC3, sinh năm 1988 (Vắng mặt);

Trú tại: X'', xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định.

+ NLC4, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Trú tại: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định.

+ NLC5, sinh năm 2003 (Vắng mặt);

Người giám hộ: NLC6, sinh năm 1974;

Đồng trú tại: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định.

+ NLC6, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Trú tại: X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định.

+ NLC7, sinh năm 1976 (Vắng mặt);

Trú tại: X1, xã Y2, huyện Z, tỉnh Bình Định.

+ NLC8, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Trú tại: thôn X2, xã Y2, huyện Z, tỉnh Bình Định.

+ NLC9, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

Trú tại: thôn X3, xã Y3, huyện Z, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 10/4/1997, Nguyễn Văn A và N xác lập hợp đồng mua bán rừng trồng loại cây đào lộn hột với diện tích 21,7 ha thuộc vùng đất lâm nghiệp có tục danh “XK” thuộc X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định với Lâm trường Z (nay là Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Z). Ngày 01/7/1997, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 1699/QĐ-UB thu hồi diện tích rừng đã giao cho Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Z. Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Z đã bàn giao diện tích đất trên cho UBND xã Y (trong đó có diện tích 21,7 ha tại XK). Tuy nhiên, các ông A và N vẫn tiếp tục trồng rừng trên diện tích trên, đến năm 2000, ông N chuyển nhượng lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất của mình cho ông L canh tác. Ngày 31/01/2012, UBND huyện Z ban hành Quyết định số 24/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ diện tích đất mà Nguyễn Văn A và L đang chiếm dụng trái phép, buộc A và L phải khai thác keo và trả lại đất để giao cho UBND xã Y quản lý, nhưng A và L không chấp hành, tiếp tục trồng keo trên diện tích đất trên. Sau khi nhận chuyển nhượng đất từ ông N, gia đình ông L cho rằng phần diện tích đất trồng keo của mình ít hơn so với A nên từ năm 2014 đến tháng 2/2019, M (con ruột ông L) nhiều lần gặp gia đình A yêu cầu sau khi khai thác keo xong phải chia lại ranh giới đất.

Khoảng 08 giờ ngày 12/5/2019, M, L (hiện đã chết) và NLC1 (là em ruột M) thuê NLC4 (tài xế xe ô tô tải) và NLC3 (người điều khiển xe máy múc) lái xe ô tô tải chở máy múc đến dừng ở con đường mòn là ranh giới của diện tích keo ông A đang trồng mục đích để múc đất chia ranh giới với gia đình A. Khi đi, L và NLC1 mỗi người cầm 01 cây rựa, M không cầm gì. Lúc này, tại đám đất, bà X (vợ A, dì ruột của M), bị cáo Nguyễn Anh C (con ruột của A) và một số người làm công cho bà X đang cuộc hồ trồng keo và dọn thực bì ở gần khu vực mà xe ô tô tải chở máy múc đến. Thấy vậy, bà X và C mỗi người cầm 01 cây mỏ gậy (có đặc điểm tương tự nhau: Cán bằng tre dài 1,83m, tròn, đường kính 04cm. Phần lưỡi được tra vào 01 đầu của phần cán có 02 thanh kim loại dài 35cm, đường kính 0,9cm, nhọn) đến ngăn cản, không cho máy múc đất để chia lại ranh giới. Sau đó, bà X

điện thoại cho A đến để giải quyết tranh chấp rồi đi đến đám keo chưa khai thác, cách đuôi xe ô tô tải khoảng 60m về hướng đông để chờ A đến. M và NLC1 cũng đi đến đứng chờ tại vị trí đám keo chưa khai thác cách vị trí bà X và C khoảng 30m về hướng nam. Ông L đến ngồi ở gốc cây bạch đàn cách xe ô tô tải khoảng 30m về hướng đông bắc. Anh NLC3 đứng phía sau đuôi xe ô tô tải cách khoảng 04 - 05m. Anh NLC4 cũng đi đến đứng cách M và NLC1 khoảng 03 - 04m về hướng nam.

Nhận được điện thoại của bà X, lúc này A đang ở nhà con ruột là Nguyễn Anh B nên nói lại với B biết việc gia đình M thuê máy múc đến đám đất lâm nghiệp để chia ranh giới. Nghe vậy, B điều khiển xe mô tô chở A về nhà, A thay áo và lấy 01 cây phăng bờ lưỡi bằng kim loại dài 30cm, bản rộng nhất 4,5cm, mũi nhọn, cán bằng tre dài 93cm, đường kính 3,5cm, B chở A đến nơi đang tranh chấp. Đến nơi, B dựng xe mô tô cách xe ô tô tải khoảng 20m - 30m về hướng nam rồi đi đến vị trí xe ô tô tải. A đi sau B. B vừa đi vừa la lớn “Mấy ông biết đất ai đây mà mấy ông đến đào” rồi đến vị trí gốc cây bạch đàn cách xe ô tô tải khoảng 04m về hướng nam lấy 01 can chứa xăng loại 05 lít và 01 cây mỏ gậy đi vòng ra phía trước đầu xe, đứng cạnh cửa cabin bên phụ la lớn “Giờ đi không tao đốt” rồi tạt xăng vào cabin xe ô tô tải. Lúc này, A cũng cầm cây phăng bờ đến bên phụ xe ô tô tải. Thấy vậy, NLC4 sợ bị đốt xe nên chạy đến điều khiển xe ô tô đi về hướng tây, NLC3 cũng điều khiển xe mô tô theo sau xe ô tô. Thấy NLC4 đi về hướng xe ô tô, M (không cầm gì) đi về phía ông L để cùng ông L nói chuyện chia ranh giới với A. Thấy M đi, NLC1 cũng cầm rựa đi theo sau M cách M khoảng 4m-5m. Sau khi xe ô tô đi khỏi, thấy M và NLC1 đi đến hướng mình, B cầm cây mỏ gậy, A cầm cây phăng bờ đi sau B, cả hai đi về hướng bà X (cũng là hướng đi đến của M). Thấy vậy, C và bà X mỗi người cầm 01 cây mỏ gậy đi về hướng B. Khi B đến đối diện với M cách khoảng 02m - 03m về phía bên trái M thì B dùng hai tay cầm cây mỏ gậy đưa mũi mỏ gậy vào sát hông trái M. Đồng thời, lúc này C từ phía sau chạy vượt lên phía bên phải M rồi đứng ngang với B, đối diện với M cách khoảng 02m - 03m, dùng hai tay cầm cây mỏ gậy đưa mũi mỏ gậy vào sát hông phải M. M tiếp tục bước tới và đưa hai tay chụp hai mũi mỏ gậy nhưng chưa chụp được thì A từ phía sau B và C xông đến đứng đối diện M, dùng tay phải cầm phăng bờ chém từ trên xuống trúng 01 nhát vào đầu M làm M ngã xuống đất. (Lúc này, bà X đi đến vị trí cách M khoảng 12m về hướng đông bắc, NLC1 đứng cách M khoảng 02m về hướng đông nam. Ông L ngồi ở vị trí cách M khoảng 05m về hướng bắc). Sau đó, M được ông L và NLC1 đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, đến ngày 19/5/2019 xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 164 ngày 14/8/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định kết luận M bị các thương tích sau: Vết thương vùng đỉnh phải gây đau đầu, chóng mặt, sưng nề vùng đỉnh, tụ máu dưới màng cứng thùy thái dương phải, vỡ xương thái dương - trán phải đã điều trị. Hiện vùng trán phải (vùng có tóc) vết thương để lại sẹo mềm, không dính kích thước (6x0,5)cm; Điện não đồ biến đổi mức độ nhẹ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 20%.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2021/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Anh B và Nguyễn Anh C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; các điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 32 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ Khoản 2 Điều 134; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh B 28 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 56 tháng tính từ ngày tuyên án (02/6/2021).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh C 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án (02/6/2021).

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587 và 590 của Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn A có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại M số tiền: 41.229.056đ; buộc bị cáo Nguyễn Anh C và bị cáo Nguyễn Anh B mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại M với số tiền 20.500.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

- Ngày 17.6.2021, bị cáo Nguyễn Văn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét mức bồi thường thiệt hại.

- Ngày 17.6.2021, các bị cáo Nguyễn Anh B và Nguyễn Anh C kháng cáo yêu cầu tuyên vô tội cho các bị cáo.

- Ngày 17.6.2021, bị hại M kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn A. Yêu cầu tăng hình phạt và không áp dụng hình phạt hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Anh B và Nguyễn Anh C. Yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Anh B và Nguyễn Anh C liên đới bồi thường chi phí điều trị, các khoản mất thu nhập trong thời gian điều trị và tổn thất tinh thần với tổng số tiền 386.519.056đ.

- Ngày 24.6.2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định kháng nghị phúc thẩm yêu cầu không cho các bị cáo Nguyễn Anh B và Nguyễn Anh C được hưởng án treo.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại M. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Anh B và Nguyễn Anh C.

Luật sư I bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Anh B và Nguyễn Anh C trình bày: Tại Bút lục số 218 có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với biên bản hiện trường. Các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình là sai. Trong các biên bản lấy lời khai không có điều tra viên lấy lời khai, chỉ có cán bộ điều tra lấy lời khai là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Từ những phân tích nói trên đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để điều tra bổ sung.

Bị cáo Nguyễn Anh B và bị cáo Nguyễn Anh C đồng ý với lời bào chữa của Luật sư, không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Luật sư R người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại M trình bày: Từ lúc xảy ra sự việc cho đến nay, gia đình bị cáo không thăm nom, bồi thường cho bị hại gây bức xúc nên bị hại mới làm đơn kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt cho các bị cáo. Người làm chứng bà X tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều vắng mặt, bà X là người giúp sức cho các bị cáo, bà X vắng mặt không đảm bảo tính khách quan của vụ án. Trong suốt quá trình điều tra vụ án những người tham gia tố tụng đều không làm việc với điều tra viên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà M có cung cấp tài liệu, yêu cầu của mình về việc buộc các bị cáo bồi thường cho bà 18.000.000 đồng nhưng cấp sơ thẩm không đề cập đến yêu cầu của M. Từ những phân tích nói trên đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm để điều tra bổ sung.

Các bị cáo không tranh luận, không bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Xuất phát từ việc tranh chấp ranh giới đất trồng rừng nên gia đình bị cáo Nguyễn Văn A và gia đình bị hại M xảy ra mâu thuẫn. Do đó khoảng 08 giờ ngày 12/5/2019, khi thấy gia đình M thuê xe đến để mức đất chia lại ranh giới, bị cáo Nguyễn Anh C cùng mẹ ruột là bà X đến gặp gia đình M ngăn cản rồi điện thoại gọi bị cáo A đến giải quyết. Bị cáo B đã lái xe mô tô chở bị cáo A mang theo 01 phản bờ cùng đi giải quyết tranh chấp. Đến nơi, bị cáo B đã có hành vi lấy 01 can xăng và 01 cây mở gậy đến đầu cabin xe ô tô tải, tạt xăng vào đầu xe và đe dọa đốt xe. Thấy M và NLC1 đi về phía mình, bị cáo B cầm cây mở gậy, bị cáo A cầm phản bờ đi về phía M. Bà X và bị cáo C cũng cầm mở gậy đi về hướng M. Khi gặp M, B đã cầm cây mở gậy chủ động đưa mũi của mở gậy vào sát hông trái M, C cũng chạy vượt lên đón đầu M và đưa mũi mở gậy vào sát hông phải M. M bước tới, đưa hai tay định chụp 02 mũi mở gậy thì A từ phía sau B và C xông đến đứng đối diện M, dùng tay phải cầm phản bờ chém từ trên xuống trúng 01 nhát vào đầu M làm M ngã xuống đất, bị thương tích với tỷ lệ 20%.

Tòa án nhân dân huyện Z đã tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Anh B và Nguyễn Anh C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

[2] Các bị cáo và bị hại đều kháng cáo, VKS tỉnh kháng nghị. Xét kháng cáo và kháng nghị đều trong hạn luật định nên chấp nhận. Xét kháng cáo và kháng nghị, HĐXX thấy rằng:

2.1. Xét kháng cáo của hai bị cáo B và C về thủ tục tố tụng: Hai bị cáo cho rằng: Điều tra viên H trong quá trình điều tra, hỏi cung, lấy lời khai đều không có mặt mà cử cán bộ điều tra lấy cung. Cử cán bộ là ông I và ông K lấy lời khai nhưng không có tên trong quyết định phân công; kiểm sát viên P không tham gia vào quá trình giải quyết vụ án.

HĐXX xét thấy: Mặc dù có sai sót về thủ tục tố tụng nhưng Điều tra viên vẫn ký tên, chịu trách nhiệm trong toàn bộ các bản cung và đã khắc phục sai sót. Những người tham gia tố tụng cũng cho rằng ghi đúng lời khai của mình, không bị ép cung, mớm cung hay nhục hình do đó các hành vi tố tụng này phù hợp với thực tế khách quan của vụ án, không làm sai lệch bản chất vụ án. Do đó không chấp nhận kháng cáo hủy án về tố tụng.

2.2. Xét kháng cáo về hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn A: Bị cáo Nguyễn Văn A xin giảm nhẹ hình phạt, bị hại M kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo A; HĐXX xét thấy: Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xử phạt bị cáo A 32 tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo A và bị hại M.

2.3 Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Anh B, Nguyễn Anh C cho rằng thương tích của bị hại M là do bị cáo A gây ra. Hai bị cáo không giúp sức cho bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội. Do đó các bị cáo không phạm tội.

HĐXX xét thấy: Tại Điều 17 BLHS quy định: “Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện tội phạm” và tại khoản 3 Điều 17 quy định về người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

Xuất phát từ việc tranh chấp ranh giới đất trồng rừng nên gia đình bị cáo Nguyễn Văn A và gia đình bị hại M xảy ra mâu thuẫn. Sau khi nghe tin báo của bà X, bị cáo A đã thông báo cho bị cáo B biết. Bị cáo B đã chở bị cáo A về nhà để bị cáo A lấy cây phăng là hung khí phạm tội để đi đến hiện trường. Như vậy, mặc dù không trao đổi bằng lời nói nhưng hai bị cáo đã cùng ý chí trong việc phạm tội. Tiếp theo, bị cáo B đã có những lời lẽ và hành động lấy can xăng và cây mỏ gậy tạt xăng vào xe tải đòi đốt xe. Sau khi thấy M, NLC1 đi đến phía mình thì B đã cầm cây mỏ gậy đi về hướng M và có hành vi lấy cây mỏ gậy tấn công M.

Đối với bị cáo C, bị cáo đã chứng kiến từ đầu sự việc, khi bị cáo A cầm phăng tới và bị cáo B có hành vi gây sự thì bị cáo C không phản đối mà cùng đồng tình với bị cáo A và B. Đồng thời có hành vi giúp sức, khi thấy bị cáo B cầm mỏ

gậy, bị cáo A cầm phảng đi trước, tiến về phía bị hại thì bị cáo cũng cầm cây mõ gậy đi về phía M. Khi thấy B dùng mõ gậy tấn công M thì C đã cầm mõ gậy chạy vượt lên đứng ngang với B và dùng mõ gậy tấn công M. Mặc dù hai bị cáo đều dùng mõ gậy tấn công anh M, tuy chưa gây thương tích nhưng đã giúp sức cho bị cáo A về mặt tinh thần để bị cáo A từ phía sau xông đến dùng cây phảng chém vào vùng đầu của M gây thương tích. Do đó hành vi của hai bị cáo B và C là đồng phạm giúp sức cho bị cáo A thực hiện hành vi phạm tội.

Bản án sơ thẩm đã tuyên các bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, do đó không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm của mình, đã biết ăn năn hối lỗi và tự nguyện khắc phục hậu quả.

2.4. Xét kháng nghị của VKSND tỉnh Bình Định và bị hại M không cho hai bị cáo Nguyễn Anh B và Nguyễn Anh C được hưởng án treo vì vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 15/5/2018. HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, đã khai báo thành khẩn; đã biết ăn năn hối lỗi và tự nguyện khắc phục hậu quả mỗi bị cáo 15.000.000đ. Do đó các bị cáo được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đồng thời cũng xem xét các bị cáo tham gia với vai trò giúp sức thứ yếu; phía bị hại cũng có lỗi; các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; các bị cáo bức xúc trước việc bị xâm phạm đất khi bên bị hại chưa yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai đã đem xe mức đến để phân chia lại ranh giới nên các bị cáo nhất thời phạm tội. Bị cáo B là giáo viên đang giảng dạy tại trường THPT H, bị cáo C có công việc ổn định. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 15/5/2018, do đó không chấp nhận kháng cáo của bị hại M và Kháng nghị của VKSND tỉnh Bình Định mà nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2.5. Xét kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại của bị cáo A và bị hại M: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các khoản chi phí phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên kháng cáo không cung cấp thêm các chứng cứ mới do đó không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại mà giữ nguyên phần bồi thường thiệt hại như bản án sơ thẩm đã tuyên.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của BLTTHS. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Anh B, Nguyễn Anh

C và bị hại M; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điểm đ Khoản 2 Điều 134; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn A 32 (Ba mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Điểm đ Khoản 2 Điều 134; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Anh B 28 (Hai mươi tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 56 (Năm mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/6/2021).

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Anh C 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/6/2021).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587 và 590 của Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn A có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại M số tiền: 41.229.056đ; buộc bị cáo Nguyễn Anh C và bị cáo Nguyễn Anh B mỗi bị cáo phải bồi thường cho bị hại M với số tiền 20.500.000đ.

Tạm giữ 15.000.000đ bị cáo Nguyễn Anh B đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000579 ngày 23/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án. Tạm giữ 15.000.000đ bị cáo Nguyễn Anh C đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000580 ngày 23/02/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Anh B, Nguyễn Anh C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSPT.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1-TANDTC
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQHNSVCSCA tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT CA H. Z;
- Cơ quan THAHS H. Z;
- Chi cục THADS H. Z;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định,
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình